

Số hóa kinh điển và phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo trong kỷ nguyên mới

ISSN: 2734-9195 08:05 21/03/2026

Có thể khẳng định rằng, phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo không chỉ là một nhiệm vụ mang tính thời sự, mà còn là một chiến lược lâu dài, gắn liền với tương lai của Phật giáo trong kỷ nguyên số.

Tác giả: **Đại đức TS Thích Chân Định**
Trưởng Ban Hướng dẫn Phật tử tỉnh Lào Cai

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, việc số hóa kinh điển và xây dựng hạ tầng tri thức số trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với Phật giáo nhằm bảo tồn di sản trí tuệ, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận giáo lý trong xã hội hiện đại.

Tôi xin làm sáng tỏ một số ý kiến để phân tích thực trạng số hóa kinh điển Phật giáo hiện nay, làm rõ ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình số hóa kinh điển và xây dựng hệ sinh thái tri thức Phật giáo trong kỷ nguyên số.

Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy, hoằng pháp và bảo tồn giá trị văn hóa Phật giáo trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

Nhân loại đang bước vào một thời đại mới, thời đại của tri thức và công nghệ số, nơi mà thông tin và dữ liệu trở thành nguồn lực quan trọng của sự phát triển xã hội. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và internet vạn vật đã làm thay đổi sâu sắc cách con người tiếp cận tri thức và tương tác với thế giới.

Trong dòng chảy ấy, các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng cũng đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới. Nếu như trước đây kinh điển Phật giáo được lưu truyền chủ yếu qua hình thức khắc in, sao chép thủ công hoặc truyền khẩu, thì ngày nay tri thức Phật giáo có thể được lưu trữ, hệ thống hóa

và phổ biến rộng rãi thông qua các nền tảng số. Tư tưởng Phật giáo từ rất sớm đã đề cao vai trò của tri thức chân chính.

Trong Kinh Pháp Cú, kệ 372, Đức Phật dạy: “Không có trí tuệ thì không có thiên định, không có thiên định thì không có trí tuệ. Người có cả thiên định và trí tuệ thật gần với Niết bàn”. Điều này cho thấy tri thức trong Phật giáo không chỉ là tri thức lý luận, mà còn là trí tuệ giải thoát được hình thành từ sự kết hợp giữa học hỏi, suy tư và thực hành.

Việc bảo tồn và truyền bá tri thức Phật giáo qua kinh điển luôn được xem là một nhiệm vụ quan trọng trong lịch sử phát triển của Phật giáo.

Trong Kinh Tăng Chi Bộ, Đức Phật cũng nhấn mạnh: “Này các Tỳ-kheo, có hai pháp làm cho Chính pháp được tồn tại lâu dài: một là học tập kinh điển, hai là thực hành đúng theo pháp.” Như vậy, sự tồn tại của chính pháp gắn liền với việc bảo tồn và truyền bá kinh điển. Trong bối cảnh hiện nay, số hóa kinh điển có thể xem như một phương thức mới để thực hiện sứ mệnh ấy trong điều kiện của xã hội hiện đại.

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, tri thức đang dần trở thành một dạng tài nguyên chiến lược, quyết định năng lực phát triển của mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng và mỗi hệ giá trị văn hóa. Đối với Phật giáo một truyền thống tôn giáo có nền tảng tri thức đồ sộ và hệ thống kinh điển phong phú, vấn đề không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn, mà còn là tái cấu trúc phương thức lưu giữ, tổ chức và lan tỏa tri thức trong môi trường số.

Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy, hoạt động số hóa kinh điển Phật giáo ở Việt Nam vẫn mang tính phân tán, thiếu chuẩn hóa và chưa hình thành được một hệ thống tri thức số có tính liên thông và bền vững. Điều này đặt ra một vấn đề khoa học cần được làm rõ:

Làm thế nào để xây dựng một hạ tầng tri thức số Phật giáo vừa đảm bảo tính học thuật, vừa đáp ứng yêu cầu bảo tồn, nghiên cứu và hoằng pháp trong kỷ nguyên số?

Từ đó, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi chính:

1. Hạ tầng tri thức số Phật giáo cần được hiểu như thế nào?
2. Thực trạng số hóa kinh điển hiện nay đang ở mức nào?
3. Những giải pháp nào có tính khả thi trong điều kiện Việt Nam?

PHẦN II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ KHUNG KHÁI NIỆM

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang định hình lại phương thức lưu trữ, truyền tải và tiếp nhận tri thức, việc tiếp cận khái niệm “hạ tầng tri thức số Phật giáo” cần được đặt trong một chỉnh thể mang tính hệ thống và liên ngành. Khái niệm này không thể giản lược thành hoạt động số hóa kinh điển đơn thuần, mà phải được hiểu như một cấu trúc tích hợp, trong đó tri thức Phật giáo được tổ chức, chuẩn hóa, lưu trữ, khai thác và lan tỏa thông qua các nền tảng công nghệ hiện đại.

Về bản chất, hạ tầng tri thức số Phật giáo là một hệ sinh thái tri thức đa tầng, bao gồm trước hết là các cơ sở dữ liệu kinh điển được số hóa với độ chính xác cao, đảm bảo tính toàn vẹn của văn bản gốc. Trên nền tảng đó, hệ thống thư viện số và tài nguyên học thuật được hình thành, đóng vai trò như không gian lưu trữ và trao đổi tri thức mở, phục vụ cho cả nghiên cứu chuyên sâu lẫn nhu cầu học tập phổ thông. Một yếu tố không thể thiếu là quá trình chuẩn hóa văn bản và xây dựng hệ thống siêu dữ liệu, cho phép định danh, phân loại và liên kết nội dung một cách khoa học, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy xuất và đối chiếu.

Bên cạnh đó, các công cụ tra cứu, phân tích và so sánh nội dung đóng vai trò như “cầu nối tri thức”, giúp người dùng không chỉ tiếp cận thông tin mà còn có khả năng khai thác chiều sâu học thuật của kinh điển. Sự phát triển của các nền tảng học tập và hoằng pháp trực tuyến tiếp tục mở rộng không gian tiếp nhận tri thức Phật giáo, đưa giáo lý đến gần hơn với cộng đồng trong môi trường số. Cuối cùng, toàn bộ hệ thống này chỉ có thể vận hành hiệu quả khi được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân lực có năng lực liên ngành, vừa am hiểu Phật học, vừa thành thạo công nghệ và quản trị tri thức.

Như vậy, hạ tầng tri thức số Phật giáo không phải là một sản phẩm kỹ thuật riêng lẻ, mà là một chỉnh thể động, có khả năng thích ứng và phát triển theo yêu cầu của thời đại, đồng thời vẫn giữ được tính chuẩn mực và chiều sâu của truyền thống.

Cơ sở lý luận từ Phật học

Trong truyền thống Phật giáo, tri thức không được nhìn nhận như sự tích lũy thông tin mang tính bề mặt, mà là tiến trình chuyển hóa nhận thức, hướng đến trí tuệ và giải thoát. Kinh điển không chỉ là văn bản ghi chép giáo lý, mà còn là phương tiện dẫn dắt con người đi từ vô minh đến giác ngộ. Do đó, việc bảo tồn và truyền bá kinh điển không đơn thuần là gìn giữ di sản văn hóa, mà còn là duy trì sự tồn tại của “Chính pháp” trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện đại, khi tri thức được số hóa và phân phối thông qua các nền tảng công nghệ, việc tiếp cận giáo lý Phật giáo cũng cần được đặt

trong những khuôn khổ lý luận mới. Sự kết hợp giữa nền tảng tư tưởng Phật học và các lý thuyết hiện đại trở thành yêu cầu tất yếu nhằm đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của quá trình số hóa.

Trước hết, lý thuyết quản trị tri thức cung cấp một khung tiếp cận giúp tổ chức, lưu trữ và chia sẻ tri thức một cách có hệ thống, từ đó nâng cao giá trị sử dụng của kinh điển trong nghiên cứu và thực hành. Tiếp đến, lĩnh vực nhân văn số mở ra khả năng ứng dụng công nghệ trong việc phân tích, diễn giải và tái cấu trúc các văn bản Phật giáo, góp phần làm phong phú phương pháp tiếp cận học thuật. Đồng thời, lý thuyết tôn giáo số cho phép nhận diện những biến đổi trong cách thức thực hành và truyền bá tôn giáo trong môi trường trực tuyến, qua đó giúp định hướng việc hoằng pháp phù hợp với bối cảnh xã hội đương đại.

Sự tích hợp giữa các nền tảng lý luận này không chỉ làm rõ cơ sở khoa học của việc xây dựng hạ tầng tri thức số Phật giáo, mà còn góp phần đảm bảo rằng quá trình số hóa không làm suy giảm giá trị cốt lõi của giáo lý, trái lại còn tạo điều kiện để Phật giáo thích ứng linh hoạt, lan tỏa sâu rộng và phát huy vai trò trong đời sống tinh thần của con người hiện đại.



Hình ảnh được tạo bởi AI

PHẦN III. THỰC TRẠNG SỐ HÓA KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO

3.1. Thực trạng trên thế giới

Trong vài thập niên gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, quá trình số hóa tri thức Phật giáo trên thế giới đã đạt được những

thành tựu đáng kể, đặc biệt tại các trung tâm nghiên cứu Phật học lớn ở châu Á, châu Âu và Bắc Mỹ. Nhiều hệ thống cơ sở dữ liệu kinh điển quy mô lớn đã được xây dựng, tiêu biểu như các bộ Đại Tạng Kinh điện tử bằng tiếng Pali, Sanskrit, Hán văn và Tây Tạng. Các dự án này không chỉ dừng lại ở việc chuyển đổi văn bản từ dạng in sang dạng số, mà còn hướng tới việc tổ chức lại tri thức theo cấu trúc khoa học, phục vụ cho nghiên cứu chuyên sâu.

Một đặc điểm nổi bật của các hệ thống này là khả năng tích hợp nhiều chức năng học thuật hiện đại. Người dùng không chỉ có thể tra cứu văn bản một cách nhanh chóng, mà còn thực hiện các thao tác so sánh dị bản, đối chiếu giữa các truyền bản khác nhau, cũng như phân tích ngữ nghĩa dựa trên công cụ xử lý ngôn ngữ. Điều này đã mở ra hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu văn bản học Phật giáo, góp phần nâng cao độ chính xác và chiều sâu của các công trình học thuật.

Bên cạnh đó, các thư viện Phật học quốc tế ngày càng được mở rộng theo hướng liên thông dữ liệu, cho phép kết nối giữa các trung tâm nghiên cứu trên toàn cầu. Nhờ đó, tri thức Phật giáo không còn bị giới hạn trong không gian địa lý hay ngôn ngữ, mà trở thành nguồn tài nguyên chung của cộng đồng học thuật quốc tế. Có thể thấy, ở cấp độ toàn cầu, số hóa kinh điển Phật giáo đã chuyển từ giai đoạn lưu trữ sang giai đoạn khai thác tri thức, với mức độ chuyên sâu và tính hệ thống ngày càng cao.

3.2. Thực trạng tại Việt Nam

Tại Việt Nam, quá trình số hóa kinh điển và tri thức Phật giáo đã có những bước tiến nhất định trong những năm gần đây, gắn liền với sự phát triển của công nghệ thông tin và nhu cầu hoằng pháp trong bối cảnh mới. Một số học viện Phật giáo, cơ sở tự viện và tổ chức nghiên cứu đã bước đầu triển khai việc xây dựng thư viện điện tử, số hóa kinh sách, lưu trữ bài giảng và phát triển các trang thông tin Phật học trên môi trường internet.

Những nỗ lực này đã góp phần tạo ra nguồn tài liệu phong phú, hỗ trợ cho việc học tập, nghiên cứu và tu tập của tăng ni, Phật tử cũng như những người quan tâm đến Phật học. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và hoằng pháp đã giúp mở rộng phạm vi tiếp cận giáo lý, đưa Phật giáo đến gần hơn với cộng đồng, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, hoạt động số hóa tri thức Phật giáo ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế mang tính hệ thống. Trước hết, nguồn dữ liệu kinh điển điện tử hiện nay còn phân tán ở nhiều cơ sở khác nhau, thiếu sự liên thông và kết nối, dẫn đến tình trạng trùng lặp hoặc thiếu đồng bộ. Bên

cạnh đó, việc chuẩn hóa văn bản và xây dựng hệ thống siêu dữ liệu chưa được thực hiện một cách bài bản, gây khó khăn cho việc tra cứu và nghiên cứu chuyên sâu.

Một vấn đề đáng chú ý khác là hạ tầng công nghệ phục vụ cho lưu trữ và khai thác tri thức Phật học chưa được đầu tư tương xứng. Nhiều hệ thống còn mang tính tự phát, thiếu định hướng lâu dài và chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững. Đồng thời, đội ngũ nhân lực có khả năng kết hợp giữa Phật học và công nghệ thông tin còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong việc vận hành và phát triển các nền tảng số.

Những hạn chế này cho thấy quá trình số hóa tri thức Phật giáo tại Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn chuyển tiếp, đòi hỏi phải có những chiến lược tổng thể và giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả và giá trị của hệ thống.

3.3. Đặc thù tại các địa phương miền núi

Đối với các tỉnh miền núi như Lào Cai, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, việc tiếp cận và phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện kinh tế - xã hội và hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ. Hệ thống internet ở nhiều khu vực còn thiếu ổn định, tốc độ truy cập thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng khai thác tài nguyên số.

Bên cạnh đó, điều kiện trang thiết bị phục vụ học tập và tiếp cận thông tin của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, còn hạn chế. Điều này khiến cho việc tiếp cận tri thức Phật giáo thông qua các nền tảng số chưa thực sự phổ biến và hiệu quả. Một số nội dung Phật học hiện có trên môi trường số cũng chưa được thiết kế phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ và nhu cầu của cộng đồng địa phương.

Tuy nhiên, chính những khó khăn này cũng đặt ra yêu cầu và mở ra cơ hội để xây dựng các mô hình tri thức số mang tính đặc thù, gắn với điều kiện thực tiễn của từng vùng miền. Việc phát triển nội dung số phù hợp, kết hợp với các giải pháp hỗ trợ về hạ tầng và đào tạo nhân lực, sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách tiếp cận tri thức, đồng thời phát huy vai trò của Phật giáo trong đời sống văn hóa – tinh thần tại địa phương.

3.4. Ý nghĩa của việc xây dựng hạ tầng tri thức số Phật giáo

Việc xây dựng hạ tầng tri thức số Phật giáo không chỉ mang ý nghĩa về mặt kỹ thuật, mà còn có giá trị sâu sắc trên nhiều phương diện.

Trước hết, đây là giải pháp quan trọng nhằm bảo tồn di sản trí tuệ của Phật giáo. Nhiều bản kinh cổ, thư tịch quý hiếm đang đứng trước nguy cơ mai một theo thời gian. Công nghệ số cho phép lưu trữ lâu dài và phục dựng các tư liệu này, góp phần gìn giữ giá trị văn hóa và tinh thần của nhân loại.

Thứ hai, hạ tầng tri thức số giúp mở rộng khả năng tiếp cận giáo lý Phật giáo. Thông qua các nền tảng trực tuyến, người học có thể tiếp cận kinh điển và tài liệu nghiên cứu ở bất kỳ đâu, bất kỳ thời điểm nào. Điều này phù hợp với tinh thần truyền bá giáo pháp rộng rãi vì lợi ích số đông. Như trong Kinh Tăng Chi Bộ đã nêu: “Hãy đi, này các Tỳ-kheo, vì lợi ích cho số đông, vì an lạc cho số đông.” Trong bối cảnh hiện đại, công nghệ số chính là phương tiện hiệu quả để hiện thực hóa tinh thần ấy.

Thứ ba, việc số hóa tri thức Phật giáo tạo điều kiện thúc đẩy nghiên cứu liên ngành, kết nối các học giả trong và ngoài nước, từ đó nâng cao vị thế học thuật của Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng thời, trong công tác hoằng pháp, các nền tảng số giúp đưa giáo lý đến gần hơn với thế hệ trẻ, những người đang sống trong môi trường công nghệ và truyền thông số.

PHẦN IV. THẢO LUẬN VÀ PHÂN TÍCH

Từ những phân tích về thực trạng số hóa kinh điển và tri thức Phật giáo ở trên, có thể nhận thấy rằng quá trình chuyển đổi này đang đặt ra nhiều vấn đề mang tính nền tảng, không chỉ ở phương diện công nghệ mà còn ở phương diện học thuật, quản trị và định hướng phát triển. Trong bối cảnh đó, việc nhìn nhận đúng bản chất của số hóa tri thức Phật giáo có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả và tính bền vững của toàn bộ hệ thống.

4.1. Số hóa không chỉ là chuyển đổi hình thức mà là tái cấu trúc tri thức

Một trong những nhận thức cốt lõi cần được khẳng định là: số hóa kinh điển Phật giáo không đơn thuần là quá trình chuyển đổi văn bản từ dạng in sang dạng số, mà thực chất là quá trình tái cấu trúc tri thức theo logic của thời đại số. Nếu chỉ dừng lại ở việc “quét và lưu trữ”, thì dữ liệu số hóa sẽ tồn tại ở trạng thái tĩnh, rời rạc, thiếu khả năng khai thác và không tạo ra giá trị gia tăng cho nghiên cứu. Ngược lại, khi được tổ chức theo một hệ thống chuẩn hóa, có liên kết dữ liệu và tích hợp công cụ phân tích, tri thức Phật giáo sẽ được “kích hoạt”, trở thành nguồn tài nguyên sống, có khả năng hỗ trợ nghiên cứu chuyên sâu, giảng dạy và hoằng pháp. Điều này đòi hỏi phải tiếp cận số hóa như một quá trình mang tính hệ thống, trong đó dữ liệu, công nghệ và con người được đặt trong mối quan hệ hữu cơ.

Quan điểm phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo cần được đặt trong tổng thể chủ trương lớn của Đảng về chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định rõ yêu cầu “chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, trong đó nhấn mạnh vai trò của dữ liệu, tri thức số như một nguồn lực phát triển mới của quốc gia. Tiếp đó, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ “đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số”, coi đây là một trong những đột phá chiến lược. Đặc biệt, Quyết định số 749/QĐ-TTg đã cụ thể hóa bằng mục tiêu xây dựng hạ tầng số, phát triển dữ liệu số và hệ sinh thái tri thức số trên phạm vi toàn xã hội. Những định hướng này cho thấy chuyển đổi số không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà còn lan tỏa đến văn hóa, tôn giáo và giáo dục. Vì vậy, việc xây dựng hạ tầng tri thức số Phật giáo là phù hợp với đường lối của Đảng, đồng thời góp phần bảo tồn, lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc trong bối cảnh số hóa hiện nay.

4.2. Vai trò của chuẩn hóa và liên thông dữ liệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, vấn đề chuẩn hóa và liên thông dữ liệu không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn gắn liền với định hướng chiến lược của Đảng về phát triển hạ tầng số. Nghị quyết số 52-NQ/TW đã nhấn mạnh việc phát triển hệ thống dữ liệu đồng bộ, kết nối và chia sẻ nhằm khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên số quốc gia. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực Phật giáo, dữ liệu kinh điển hiện vẫn còn phân tán, thiếu thống nhất về cấu trúc và chuẩn siêu dữ liệu, dẫn đến tình trạng khó liên kết, tra cứu và nghiên cứu chuyên sâu. Điều này cho thấy yêu cầu cấp thiết phải chuẩn hóa dữ liệu như một nền tảng để xây dựng hệ sinh thái tri thức số. Đồng thời, Quyết định số 749/QĐ-TTg cũng xác định nhiệm vụ phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm khả năng kết nối và liên thông giữa các hệ thống. Khi dữ liệu kinh điển Phật giáo được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn chung, các thư viện số, trung tâm nghiên cứu và cơ sở đào tạo có thể kết nối với nhau, hình thành mạng lưới tri thức liên thông. Nhờ đó, việc khai thác, đối chiếu và nghiên cứu liên ngành sẽ trở nên thuận lợi hơn, góp phần nâng cao giá trị học thuật và lan tỏa tri thức Phật giáo trong xã hội hiện đại.

4.3. Nhân lực - yếu tố quyết định của hệ thống tri thức số

Nguồn nhân lực là yếu tố mang tính quyết định đối với sự hình thành và vận hành hiệu quả của hệ thống tri thức số Phật giáo, bởi công nghệ dù hiện đại đến đâu cũng chỉ phát huy giá trị khi được dẫn dắt bởi con người có tri thức và năng lực phù hợp. Thực tiễn cho thấy, hạn chế lớn hiện nay là sự thiếu hụt đội ngũ vừa am hiểu sâu sắc Phật học, vừa có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin

trong số hóa, quản trị và khai thác dữ liệu. Quá trình số hóa kinh điển không đơn thuần là thao tác kỹ thuật, mà đòi hỏi năng lực thẩm định nội dung, hiểu đúng ngữ nghĩa kinh văn, cũng như khả năng chuẩn hóa theo hệ thống học thuật, nếu không sẽ dễ dẫn đến sai lệch, làm giảm giá trị chân xác của giáo pháp.

Trong định hướng phát triển chung, Nghị quyết số 29-NQ/TW đã nhấn mạnh yêu cầu “phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, đồng thời chú trọng năng lực tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường tri thức mới. Điều này gợi mở rằng, đối với lĩnh vực Phật giáo, cần hình thành đội ngũ nhân lực liên ngành, nơi tri thức Phật học được kết nối với công nghệ số, ngôn ngữ học và khoa học dữ liệu. Do đó, việc đào tạo tăng Ni, học giả và chuyên gia có năng lực tích hợp giữa tu học và nghiên cứu khoa học, giữa truyền thống và hiện đại, cần được xác định là nhiệm vụ chiến lược lâu dài. Khi nguồn nhân lực được chuẩn hóa và phát triển bền vững, hệ thống tri thức số Phật giáo không chỉ bảo đảm tính chính xác, mà còn có khả năng lan tỏa rộng rãi, đóng góp tích cực vào đời sống văn hóa và tri thức xã hội trong thời đại số.

4.4. Vấn đề quản trị và kiểm soát nội dung trong môi trường số

Trong không gian số hiện nay, tri thức Phật giáo được lan tỏa với tốc độ nhanh chưa từng có, nhờ nền tảng hạ tầng số phát triển mạnh mẽ. Việt Nam hiện có khoảng 78-80% dân số sử dụng Internet, tương đương hơn 78 triệu người, cùng với hơn 76 triệu tài khoản mạng xã hội đang hoạt động. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoằng pháp trên môi trường số, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức lớn về kiểm soát nội dung.

Thực tế cho thấy, bên cạnh các nguồn thông tin chính thống, nhiều nội dung Phật giáo trên mạng mang tính cá nhân, thiếu cơ sở học thuật, thậm chí bị diễn giải sai lệch hoặc pha trộn yếu tố mê tín. Nếu không có cơ chế quản trị phù hợp, quá trình số hóa có thể dẫn đến sự “nhiều loạn tri thức”, làm suy giảm tính chuẩn mực của giáo lý. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến nhận thức của Phật tử mà còn tác động đến hình ảnh của Phật giáo trong xã hội hiện đại.

Quan điểm này cần được đặt trong tinh thần của Nghị quyết số 35-NQ/TW, trong đó khẳng định nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng, chủ động đấu tranh với thông tin sai trái trên không gian mạng. Đối với Phật giáo Trúc Lâm – vốn đề cao tinh thần “hộ quốc an dân”, việc bảo vệ tính chân chính của giáo pháp trong môi trường số không chỉ là yêu cầu quản lý thông tin, mà còn là trách nhiệm giữ gìn chính pháp. Do đó, cần xây dựng mô hình quản trị nội dung theo hướng kết hợp giữa Giáo hội, các cơ sở đào tạo Phật học và chuyên gia công

nghe. Việc thiết lập quy trình thẩm định, chuẩn hóa nội dung và xác thực nguồn tư liệu sẽ góp phần bảo đảm tính chính xác của tri thức số, đồng thời định hướng đúng đắn cho hoạt động hoằng pháp trong thời đại số.

4.5. Tính đặc thù vùng miền và yêu cầu phát triển bền vững

Việc phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo không thể tách rời bối cảnh xã hội cụ thể của từng vùng miền. Mặc dù hạ tầng số của Việt Nam đã đạt mức phổ cập cao với gần 83% hộ gia đình sử dụng Internet cáp quang và phủ sóng 4G tới gần 100% dân số, song sự chênh lệch giữa các khu vực vẫn còn rõ rệt, đặc biệt ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tại các địa phương như Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu... nơi có tỷ lệ lớn dân cư là người dân tộc thiểu số, điều kiện tiếp cận công nghệ còn hạn chế, việc triển khai tri thức số cần có sự điều chỉnh phù hợp. Nếu áp dụng mô hình số hóa mang tính học thuật cao, nặng về văn bản, sẽ khó tiếp cận với cộng đồng. Ngược lại, việc sử dụng các hình thức truyền tải linh hoạt như âm thanh, hình ảnh, video hoặc nội dung song ngữ sẽ giúp nâng cao hiệu quả tiếp nhận. Cách tiếp cận này phù hợp với định hướng phát triển bao trùm của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong đó nhấn mạnh yêu cầu thu hẹp khoảng cách vùng miền, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận bình đẳng với tri thức và công nghệ. Như vậy, tri thức số Phật giáo cần được phát triển theo hướng linh hoạt, đa dạng và phù hợp với đặc thù văn hóa, xã hội của từng địa phương. Đây chính là điều kiện để bảo đảm tính bền vững trong quá trình chuyển đổi số, đồng thời góp phần lan tỏa giá trị đạo đức và nhân văn của Phật giáo trong xã hội hiện đại.

4.6. Số hóa tri thức Phật giáo trong tiến trình hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tri thức số không chỉ là công cụ lưu trữ mà còn trở thành phương tiện kết nối học thuật trên phạm vi toàn cầu. Với nền tảng hạ tầng số ngày càng hoàn thiện, thể hiện qua việc hơn 89% người dân sử dụng điện thoại thông minh và hàng tỷ lượt giao dịch dữ liệu được thực hiện mỗi năm trên các nền tảng quốc gia Việt Nam đang có điều kiện thuận lợi để đưa tri thức Phật giáo hội nhập với thế giới.

Hiện nay, nhiều hệ thống dữ liệu Phật học quốc tế đã hình thành, tạo nên mạng lưới tri thức mở và liên thông. Nếu xây dựng được cơ sở dữ liệu số hóa kinh điển Trúc Lâm một cách chuẩn hóa và có hệ thống, Phật giáo Việt Nam có thể tham gia trực tiếp vào không gian học thuật toàn cầu. Đây không chỉ là cơ hội quảng bá giá trị văn hóa, tôn giáo, mà còn góp phần nâng cao vị thế học thuật của Việt Nam. Định hướng này phù hợp với Nghị quyết số 52-NQ/TW khi xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt của hội nhập quốc tế. Trong đó, dữ liệu và tri thức số được coi là nguồn lực chiến lược, có khả

năng tạo ra giá trị gia tăng lớn trong thời đại mới.

Từ góc độ Phật giáo Trúc Lâm, việc số hóa và hội nhập không làm mất đi bản sắc, mà ngược lại, giúp lan tỏa những giá trị đặc trưng như tinh thần nhập thế, hòa hợp dân tộc và gắn bó với đời sống xã hội. Đồng thời, quá trình này cũng mở ra cơ hội tiếp thu phương pháp nghiên cứu hiện đại, chuẩn hóa học thuật và nâng cao năng lực của đội ngũ nghiên cứu Phật học trong nước.

PHẦN V. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG TRI THỨC SỐ PHẬT GIÁO

Từ những vấn đề đặt ra trong quá trình phân tích thực trạng và thảo luận, có thể thấy việc phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo không thể thực hiện theo cách tiếp cận đơn lẻ, mà cần một hệ thống giải pháp đồng bộ, gắn kết giữa công nghệ, học thuật, con người và cơ chế quản trị. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia đang được đẩy mạnh, việc xây dựng các giải pháp phù hợp không chỉ góp phần bảo tồn và phát huy giá trị Phật giáo, mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của nền tri thức số Việt Nam.

5.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu kinh điển Phật giáo thống nhất, chuẩn hóa

Một trong những nhiệm vụ nền tảng là xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu kinh điển Phật giáo có tính thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Hiện nay, nguồn kinh điển đang tồn tại phân tán tại nhiều chùa, học viện và trung tâm nghiên cứu, thiếu sự liên thông và chuẩn hóa, gây khó khăn cho việc khai thác và sử dụng.

Do đó, cần xác định một đơn vị chủ trì có đủ thẩm quyền và năng lực, mà trước hết là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, phối hợp với các cơ quan chuyên môn và cơ sở đào tạo để triển khai xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung. Hệ thống này cần được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn dữ liệu hiện đại, bao gồm cấu trúc văn bản, mã hóa ký tự, hệ thống siêu dữ liệu và quy tắc phân loại nội dung.

Bên cạnh chức năng lưu trữ, cơ sở dữ liệu cần tích hợp các công cụ tra cứu thông minh, cho phép tìm kiếm theo từ khóa, đối chiếu dị bản, phân tích nội dung và hỗ trợ nghiên cứu chuyên sâu. Đây chính là bước chuyển từ “lưu trữ thông tin” sang “khai thác tri thức”, phù hợp với định hướng của Quyết định số 749/QĐ-TTg, trong đó xác định dữ liệu là tài nguyên cốt lõi của nền kinh tế số.

5.2. Phát triển thư viện số Phật giáo cấp quốc gia theo hướng trung tâm học thuật

Song song với cơ sở dữ liệu kinh điển, cần xây dựng thư viện số Phật giáo quy mô quốc gia, không chỉ đóng vai trò là kho lưu trữ, mà còn là trung tâm học thuật và kết nối tri thức. Thư viện này cần tích hợp đa dạng các loại hình tài

liệu, bao gồm kinh điển, sách nghiên cứu, luận án, bài giảng, tư liệu lịch sử, hình ảnh, video và các sản phẩm học thuật khác. Quan trọng hơn, thư viện cần được thiết kế theo hướng mở, có khả năng kết nối với các hệ thống thư viện Phật học quốc tế, từ đó hình thành mạng lưới tri thức liên thông toàn cầu.

Việc phát triển thư viện số theo hướng này sẽ góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu Phật học trong nước, đồng thời tạo điều kiện để Phật giáo Việt Nam tham gia sâu hơn vào không gian học thuật quốc tế. Đây cũng là bước đi phù hợp với tinh thần hội nhập và phát triển tri thức mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

5.3. Đào tạo nguồn nhân lực liên ngành Phật học và công nghệ thông tin

Con người là yếu tố quyết định sự thành công của mọi hệ thống tri thức. Trong bối cảnh hiện nay, việc thiếu hụt đội ngũ nhân lực có khả năng kết hợp giữa Phật học và công nghệ đang là một hạn chế lớn. Vì vậy, cần xây dựng chiến lược đào tạo dài hạn, trong đó các học viện Phật giáo và cơ sở đào tạo cần đổi mới chương trình, bổ sung các nội dung về công nghệ thông tin, quản trị dữ liệu, truyền thông số và phương pháp nghiên cứu liên ngành. Đồng thời, cần tăng cường liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu để đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao.

Giải pháp này phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu của thời đại số và hội nhập quốc tế.

5.4. Phát triển các nền tảng hoằng pháp số gắn với kiểm soát nội dung

Trong thời đại công nghệ, hoằng pháp không còn giới hạn trong không gian chùa chiền hay lớp học truyền thống, mà cần được mở rộng trên các nền tảng số. Do đó, việc xây dựng các hệ thống học Phật trực tuyến, thư viện bài giảng điện tử, ứng dụng di động và kho dữ liệu đa phương tiện là hết sức cần thiết.

Các nền tảng này cần được thiết kế thân thiện với người dùng, phù hợp với thói quen tiếp nhận thông tin của thế hệ trẻ, đồng thời đảm bảo tính chính xác và chuẩn mực của nội dung giáo lý. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế kiểm soát và thẩm định nội dung nhằm tránh tình trạng sai lệch, xuyên tạc hoặc thương mại hóa giáo lý. Nội dung này gắn liền với yêu cầu bảo vệ giá trị tư tưởng trong không gian mạng theo tinh thần của Nghị quyết số 35-NQ/TW, đồng thời góp phần giữ gìn sự trong sáng và đúng đắn của Phật pháp trong môi trường số.

5.5. Phát triển tri thức số Phật giáo gắn với đặc thù địa phương miền núi

Đối với các địa phương miền núi như Lào Cai, việc phát triển hạ tầng tri thức số cần được triển khai theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Trước hết, cần xây dựng các nội dung số đơn giản, dễ tiếp cận, có thể kết hợp giữa văn bản, hình ảnh và âm thanh, nhằm phù hợp với trình độ tiếp nhận của người dân.

Đặc biệt, cần chú trọng phát triển các tài liệu song ngữ (tiếng Việt và ngôn ngữ dân tộc), cũng như các ứng dụng nhẹ, có thể hoạt động trong điều kiện hạ tầng mạng còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc sử dụng các hình thức truyền tải như audio, video ngắn sẽ giúp nâng cao hiệu quả tiếp cận tri thức.

Giải pháp này không chỉ góp phần lan tỏa giáo lý Phật giáo, mà còn phù hợp với định hướng phát triển bền vững, thu hẹp khoảng cách vùng miền theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

5.6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong số hóa và nghiên cứu Phật học

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hợp tác quốc tế là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển tri thức số Phật giáo. Việt Nam cần chủ động kết nối với các trung tâm nghiên cứu Phật học trên thế giới để trao đổi dữ liệu, chia sẻ kinh nghiệm và tiếp cận công nghệ tiên tiến.

Các hoạt động hợp tác có thể bao gồm liên kết xây dựng cơ sở dữ liệu, trao đổi học giả, tổ chức hội thảo khoa học và tham gia các mạng lưới nghiên cứu quốc tế. Thông qua đó, tri thức Phật giáo Việt Nam không chỉ được làm giàu mà còn có cơ hội lan tỏa rộng rãi trên phạm vi toàn cầu. Đây cũng là bước đi cần thiết nhằm nâng cao vị thế học thuật của Phật giáo Việt Nam, góp phần khẳng định vai trò của văn hóa, tôn giáo trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Các giải pháp trên cho thấy việc phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo cần được triển khai theo hướng tổng thể, đồng bộ và lâu dài. Từ xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển thư viện số, đào tạo nhân lực, đến mở rộng hoàng pháp và hợp tác quốc tế – tất cả đều phải đặt trong một chiến lược thống nhất.

Trong dòng chảy của thời đại số, nếu được định hướng đúng đắn, tri thức Phật giáo không chỉ được bảo tồn mà còn có thể lan tỏa mạnh mẽ hơn bao giờ hết, tiếp tục thực hiện sứ mệnh “lợi ích cho số đông, an lạc cho số đông”, góp phần xây dựng một xã hội nhân văn, trí tuệ và phát triển bền vững.

PHẦN VI. KẾT LUẬN

Trong tiến trình phát triển của nhân loại, mỗi thời đại đều đặt ra những phương thức mới để con người tiếp cận, lưu giữ và truyền bá tri thức. Nếu như trước

đây, kinh điển Phật giáo được bảo tồn qua hình thức truyền khẩu, chép tay, khắc in, thì ngày nay, trong bối cảnh chuyển đổi số, việc xây dựng hạ tầng tri thức số đã trở thành một xu thế tất yếu, phản ánh sự thích ứng linh hoạt của Phật giáo với điều kiện lịch sử mới.

Nghiên cứu đã cho thấy rằng, số hóa kinh điển Phật giáo không chỉ là một giải pháp kỹ thuật nhằm lưu trữ dữ liệu, mà thực chất là một quá trình tái cấu trúc tri thức, trong đó nội dung giáo lý được tổ chức lại theo logic của thời đại số. Quá trình này đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa nền tảng học thuật Phật học với các thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị tri thức và công nghệ thông tin. Khi được triển khai một cách bài bản và khoa học, hạ tầng tri thức số sẽ trở thành môi trường mới để giáo lý Phật giáo được tiếp cận, nghiên cứu và lan tỏa với quy mô rộng lớn hơn, hiệu quả hơn.

Từ thực tiễn khảo sát, có thể khẳng định rằng Việt Nam đã có những bước đi ban đầu trong việc số hóa tri thức Phật giáo, song vẫn còn nhiều hạn chế về tính đồng bộ, chuẩn hóa dữ liệu, năng lực công nghệ và nguồn nhân lực. Đặc biệt, tại các địa phương miền núi, điều kiện tiếp cận tri thức số còn nhiều khó khăn, đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp mang tính đặc thù, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và đặc điểm văn hóa của từng vùng miền. Những vấn đề này cho thấy việc phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo không thể thực hiện một cách tự phát, mà cần được định hướng bởi chiến lược dài hạn, có sự phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức tôn giáo, cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý nhà nước.

Trên cơ sở đó, hệ thống giải pháp được đề xuất trong nghiên cứu không chỉ tập trung vào khía cạnh công nghệ, mà còn nhấn mạnh vai trò của chuẩn hóa dữ liệu, phát triển nguồn nhân lực liên ngành, xây dựng cơ chế quản trị nội dung và mở rộng hợp tác quốc tế. Đây là những yếu tố mang tính nền tảng, quyết định đến hiệu quả và tính bền vững của toàn bộ hệ thống tri thức số Phật giáo trong tương lai.

Đặt trong bối cảnh chung của đất nước, việc phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo hoàn toàn phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế tri thức và xây dựng xã hội học tập. Điều này không chỉ góp phần bảo tồn di sản văn hóa, tôn giáo, mà còn nâng cao năng lực nghiên cứu, thúc đẩy giao lưu học thuật và khẳng định vị thế của Phật giáo Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Ở một bình diện sâu xa hơn, việc số hóa tri thức Phật giáo còn mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Khi giáo lý của Đức Phật được lan tỏa rộng rãi thông qua các nền tảng số, những giá trị cốt lõi như trí tuệ, từ bi, vô ngã và vị tha sẽ tiếp tục

thấm sâu vào đời sống xã hội, góp phần định hướng con người hướng đến những giá trị chân – thiện – mỹ trong bối cảnh hiện đại đầy biến động. Như lời dạy trong Kinh Tăng Chi Bộ: “Vì lợi ích cho số đông, vì an lạc cho số đông”, việc phát triển hạ tầng tri thức số chính là một phương tiện mới để hiện thực hóa lý tưởng hoàng pháp ấy trong thời đại công nghệ.

Có thể khẳng định rằng, phát triển hạ tầng tri thức số Phật giáo không chỉ là một nhiệm vụ mang tính thời sự, mà còn là một chiến lược lâu dài, gắn liền với tương lai của Phật giáo trong kỷ nguyên số. Khi tri thức được tổ chức khoa học, công nghệ được vận dụng hiệu quả và con người được đặt ở vị trí trung tâm, Phật giáo sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng một xã hội nhân văn, hài hòa và phát triển bền vững.

Tác giả: **Đại đức TS Thích Chân Định** - Trưởng Ban Hướng dẫn Phật tử tỉnh Lào Cai

Tài liệu tham khảo:

I. Kinh điển Phật giáo, tài liệu tôn giáo

1. Bộ Kinh Tăng Chi. (1996). Kinh Tăng Chi Bộ (Thích Minh Châu dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo.
2. Bộ Kinh Pháp Cú. (2000). Kinh Pháp Cú (Thích Minh Châu dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo.
3. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (2017). Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII. Hà Nội.
4. Học viện Phật giáo Việt Nam. (2020). Kỷ yếu hội thảo khoa học Phật giáo và thời đại số. Hà Nội.
5. Nguyễn Lang. (2000). Việt Nam Phật giáo sử luận. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.

II. Văn kiện Đảng và Nhà nước

6. Ban Chấp hành Trung ương. (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hà Nội.
7. Bộ Chính trị. (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hà Nội.
8. Bộ Chính trị. (2018). Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Hà Nội.
9. Thủ tướng Chính phủ. (2020). Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hà Nội.